

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 07 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Mỹ X, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/04/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Mỹ X trình bày:

Bà X và ông N chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 20/4/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh

phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, nên bà X và ông N ly thân với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống bà X và ông N không có con chung, không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Nay bà X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà X yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn N.
- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu xem xét giải quyết
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà X về quan hệ hôn nhân, tuy nhiên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến mức phải ly hôn. Nay theo yêu cầu của bà X thì ông N không đồng ý ly hôn, vì còn thương bà X nên muốn hàn gắn. Về con chung: Không có; Về tài sản chung cũng như nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, đồng thời bị đơn có địa chỉ ở xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Mỹ X và ông Huỳnh Văn N tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn bà X và ông N đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/4/2022, do vậy hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống ông, bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tài chính gia đình nên đến đầu năm 2024 thì ông, bà đã sống ly thân với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà X và ông N đã không còn, cuộc sống hôn nhân của ông, bà không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết cho bà X được ly hôn với ông N.

[3]. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà X và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Mỹ X phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Mỹ X được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.
2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về án phí: Bà Lê Mỹ X phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng

được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Mỹ X đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005264 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương